

Số: 111/BC-UBND

Thủy Thanh, ngày 06 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo 6 tháng đầu năm 2024

I. TÌNH HÌNH KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Thủy Thanh là xã vùng thấp trũng, chuyên độc canh cây lúa, các ngành nghề dịch vụ đang có chiều hướng phát triển; Toàn xã có diện tích đất tự nhiên 851,92 ha (chiếm 1,87% diện tích đất tự nhiên của thị xã Hương Thủy). Dân số 10.160 khẩu gồm 2.800 hộ, trên địa bàn xã có 05 khu di tích lịch sử văn hóa, 04 Niệm phật đường, 02 HTX nông nghiệp, 05 trường học (02 trường Mầm non, 02 trường Tiểu học, 01 trường THCS); 01 trạm Y tế và 09 thôn.

Công tác xây dựng Đảng, Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể trong hệ thống chính trị luôn được coi trọng, tổ chức được kiện toàn củng cố, duy trì hoạt động thường xuyên, nề nếp. Các tổ chức đảng, đoàn thể hoạt động đạt kết quả tốt.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Khiếu nại năm 2011; Luật Tố cáo năm 2018; Luật Tiếp công dân năm 2013; Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiếp công dân năm 2013; Thông tư số 07/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Tổng Thanh tra chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh; Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Trong năm qua, UBND xã thực hiện nghiêm túc quy chế, quy định tiếp công dân thường xuyên, định kỳ. Chủ động xử lý kịp thời những đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định.

Công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân luôn được Thường vụ Đảng ủy, HĐND, lãnh đạo UBND xã quan tâm chỉ đạo thực hiện và xác định đây là nhiệm vụ quan trọng, góp phần giữ vững ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã.

UBND xã thực hiện nghiêm túc quy chế, quy định tiếp công dân thường xuyên, định kỳ. Chủ động xử lý kịp thời những đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo trên địa bàn xã được quan tâm triển khai thực hiện, tạo chuyển biến trong nhận thức, nâng cao hiểu biết pháp luật và chấp hành pháp luật của cán bộ và nhân dân. Nên trong những năm qua tình hình đơn thư khiếu nại, tố cáo trên địa bàn xã không có trường hợp nào.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Công tác tiếp công dân (Biểu số 01/TCD)

- Thực hiện Luật tiếp công dân và Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ “*Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiếp công dân*”. Việc tiếp công dân tại địa phương nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công dân phản ánh tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị, đề xuất của nhân dân về các lĩnh vực liên quan đến kinh tế ANCT-TTATXH tại địa phương.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, công tác tiếp công dân tiếp tục được lãnh đạo UBND xã chỉ đạo và duy trì thực hiện có hiệu quả. Lãnh đạo xã duy trì tiếp công dân định kỳ theo lịch đã công khai; Ban Tiếp công dân của xã thực hiện việc tiếp công dân thường xuyên. UBND xã đã xây dựng kế hoạch và lịch tiếp công dân của lãnh đạo UBND, hàng tuần, hàng tháng vào các ngày thứ Sáu trong tuần.

Nội quy và Lịch thông báo tiếp công dân được niêm yết công khai minh bạch rõ ràng tại trụ sở UBND xã.

Bộ trí phòng tiếp công dân và Công chức Tư pháp - Hộ tịch, Văn phòng UBND và HĐND phụ trách mở sổ theo dõi công tác tiếp công dân thường xuyên và định kỳ.

* Kết quả tiếp công dân (tính từ 15/11/2023 - 06/6/2024)

- Tổng số buổi: 28 (tại trụ sở: 21 buổi, tiếp lưu động tại các khu dân cư: 07 buổi).

- Số lượt công dân được tiếp: 01 người.

2. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn (Biểu 01/XLĐ, 02/XLĐ, 03/XLĐ, 04/XLĐ)

a. Tổng số đơn: Kỳ trước chuyển sang: 01 đơn; tiếp nhận trong kỳ: 05 đơn.

- Số đơn đang xử lý/Tổng số đơn tiếp nhận: 05/06 đơn.

- Số đơn đã xử lý/Tổng số đơn tiếp nhận: 01/06 đơn.

b. Phân loại, xử lý đơn

- Phân loại theo nội dung:

+ Số đơn, số vụ việc kiến nghị, phản ánh: 06 đơn.

- Phân loại theo tình trạng giải quyết

+ Số đơn, số vụ việc đang giải quyết: 05 đơn

c. Kết quả xử lý đơn:

- Số đơn, số vụ việc thuộc thẩm quyền: 05 đơn

- Số đơn, số vụ việc không thuộc thẩm quyền: 01 đơn

3. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền (Biểu số 01/KQGQ, 02/KQGQ, 03/KQGQ, 04/KQGQ)

Tổng số đơn đang giải quyết/tổng số đơn phải giải quyết: 05/05 đơn.

4. Công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo (03/QLNN)

Đảng ủy, HĐND, lãnh đạo UBND xã quan tâm chỉ đạo thực hiện công tác tiếp công dân và xác định đây là nhiệm vụ quan trọng, góp phần giữ vững ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã.

UBND xã ban hành Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 07/3/2024 về Tuyên truyền, phổ biến Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo và các văn bản pháp luật có liên quan. Mở rộng đối tượng về tận ban ngành các thôn để nhằm tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân.

Trong 6 tháng năm 2024: UBND tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua hình thức lồng ghép vào các hội nghị, triển khai kinh tế xã hội (04 hội nghị, với sự tham gia hơn 300 người)

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm

Công tác lãnh, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ và công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân ngày càng được quan tâm. UBND xã nghiêm túc thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp trên; duy trì lịch tiếp công dân thường xuyên, định kỳ, qua đó hạn chế, ngăn ngừa được khiếu kiện vượt cấp, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của xã. Trong quá trình giải quyết đảm bảo về trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết dứt điểm, chất lượng và nội dung giải quyết.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác tiếp công dân chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao do còn kiêm nhiệm nhiều công việc.

Một số bộ phận người dân am hiểu pháp luật còn hạn chế, ý thức chấp hành của một bộ phận nhân dân chưa tốt nên có những yêu cầu, đòi hỏi không đúng quy định của pháp luật.

Giá trị đất đai tại địa phương ngày một tăng cao từ đó dẫn đến tranh chấp, khiếu kiện, khiếu nại nhiều trên địa bàn xã.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG KỲ TIẾP THEO

1. Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo; mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ công tác tiếp công dân, xử lý đơn cho cán bộ làm công tác tiếp công dân.

2. Tăng cường phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể thực hiện tốt công tác dân vận, đối thoại, hòa giải nhằm hạn chế phát sinh đơn khiếu nại, tố cáo; tập trung giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền ngay từ khi mới phát sinh.

3. Nâng cao hơn nữa trách nhiệm của người đứng đầu, coi công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên. Việc giải quyết đơn phải đúng trình tự, thẩm quyền, nhất là những nội dung liên quan đến

đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng, thực hiện chính sách xã hội...; gắn công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo với công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền cơ sở.

4. Tăng cường trao đổi thông tin, nâng cao hơn nữa sự phối hợp giữa các cấp, các ngành chức năng có liên quan để giải quyết tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Cần tăng cường hơn nữa về công tác tập huấn để nâng cao trình độ cũng như kỹ năng cho đội ngũ làm công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo ở cơ sở.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao ý thức pháp luật, nhất là các quy định về tiếp công dân, Luật khiếu nại, Luật tố cáo.

Trên đây là Báo cáo công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo 6 tháng đầu năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ cho 6 tháng cuối năm 2024. UBND xã Thủy Thanh báo cáo UBND thị xã, Thanh tra thị xã được biết, tiếp tục chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- UBND thị xã (b/c);
- Thanh tra thị xã (b/c);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Văn Hiệp

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN THƯỜNG XUYÊN, ĐỊNH KỲ VÀ ĐỘT XUẤT

Số liệu tính từ ngày 15/11/2023 đến ngày 06/6/2024

(Kèm theo Báo cáo số: 111 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của UBND xã Thủy Thanh)

Kỳ báo cáo	Tổng số lượt tiếp	Tổng số người được tiếp	Tổng số vụ việc tiếp	Tiếp thường xuyên								Tiếp định kỳ và đột xuất của Thủ trưởng																	
				Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người				Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Thủ trưởng tiếp								Ủy quyền tiếp						
						Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc tiếp lần đầu	Số vụ việc tiếp nhiều lần				Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người				Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người			
															Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc tiếp lần đầu	Số vụ việc tiếp nhiều lần				Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc tiếp lần đầu	Số vụ việc tiếp nhiều lần
MS	1=4+13+22	2=5+14+23	3=6+7+15+16+24+25	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
6 tháng đầu năm 2024	28	01										28	01	01	01	00	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

30- Ghi chú:**Hướng dẫn cách ghi biểu:**

- Đây là Biểu tổng hợp kết quả chung về tiếp công dân qua công tác tiếp dân thường xuyên, định kỳ và đột xuất của thủ trưởng
- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1) = (4) + (13) + (22) là Tổng số lượt tiếp, gồm số lượt tiếp thường xuyên và số lượt tiếp của thủ trưởng (trực tiếp hoặc ủy quyền tiếp)
- Cột (2) = (5) + (14) + (23) là Tổng số người được tiếp, bao gồm tiếp thường xuyên và tiếp của thủ trưởng (trực tiếp hoặc ủy quyền tiếp)
- Cột (3) = (6) + (7) + (15) + (16) + (24) + (25): là Tổng số vụ việc tiếp, gồm số vụ việc tiếp thường xuyên và số vụ việc thủ trưởng tiếp (trực tiếp hoặc ủy quyền tiếp)
- Vụ việc tiếp nhiều lần là vụ việc tiếp từ hai lần trở lên: các Cột (7),(11),(16),(20),(25),(29)
- Đoàn đông người là đoàn có từ 5 người trở lên
- Đối với vụ việc tiếp công dân thường xuyên có thủ trưởng tiếp thì chỉ nhập số liệu 1 lần vào mục thủ trưởng tiếp
- Cột (6): Số vụ việc tiếp lần đầu thông qua hoạt động tiếp công dân thường xuyên, bao gồm cả số vụ việc tiếp lần đầu đối với đoàn đông người (cột 10)
- Cột (7): Số vụ việc tiếp từ lần thứ hai trở lên thông qua hoạt động tiếp công dân thường xuyên, bao gồm cả số vụ việc tiếp nhiều lần đối với đoàn đông người (cột 11)
- Tổng số đoàn đông người được tiếp = Cột (8) + (17) + (26)
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 30 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN
Số liệu tính từ ngày 15/11/2023 đến ngày 06/6/2024

(Kèm theo Báo cáo số: 111 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của UBND xã Thủy Thanh)

Kỳ báo cáo	Tổng số đơn phải xử lý			Số đơn đã xử lý	Số đơn chưa xử lý (chuyển kỳ sau xử lý)	Đủ điều kiện xử lý		Phân loại đơn theo nội dung			Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết			Kết quả xử lý đơn						Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn		
	Tổng số	Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ			Số đơn	Số vụ việc	Khiếu nại	Tổ cáo	Kiến nghị, phản ánh	Đã giải quyết		Chưa giải quyết xong	Đơn thuộc thẩm quyền			Đơn không thuộc thẩm quyền					
											Lần đầu	Nhiều lần		Tổng số	Khiếu nại	Tổ cáo	Kiến nghị, phản ánh	Tổng số	Hướng dẫn		Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết
MS	1= 2+3= 4+5	2	3	4	5	6 = 8+9+10 =11+12+13	7	8	9	10	11	12	13	14=15+ 16+17	15	16	17	18=19+ 20+21	19	20	21	22
6 tháng đầu năm 2024	6	1	5	1		6		0	0	6	6	0	0	05	0	0	05	01	01	0	0	

23. Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu

- Đây là biểu tổng hợp về kết quả xử lý đơn chung (đơn KN, TC, KNPA), bao gồm đơn nhận được qua tiếp công dân và đơn nhận từ các nguồn khác (gửi qua dịch vụ chuyển phát, cơ quan khác chuyển, ...)
- Số liệu tại Biểu này là số liệu tổng hợp từ các biểu 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD
- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1) = Cột (2) + (3) = (4) + (5)
- Cột (4): Số đơn đã hoàn thành quy trình xem xét về điều kiện xử lý (kết quả cuối cùng: thụ lý giải quyết, lưu, hướng dẫn, chuyển ...) theo quy định; Cột (4) <= Cột (1)
- Cột (5): Số đơn chưa hoàn thành quy trình xem xét về điều kiện xử lý (chuyển kỳ sau xử lý) theo quy định;
- Cột (6) = Cột (8) + (9) + (10) = Cột (11) + (12) + (13) = Cột (14) + (18)
- Cột (7) = Cột (8) thuộc Biểu 02/XLD + Cột (8) thuộc Biểu 03/XLD + Cột (8) thuộc Biểu 04/XLD
- Từ Cột (8) trở đi là số liệu tổng hợp đối với các đơn đủ điều kiện xử lý (đã thống kê tại Cột (6))
- Cột (8): Số đơn khiếu nại đủ điều kiện xử lý = Cột (7) thuộc Biểu 02/XLD
- Cột (9) : Số đơn tố cáo đủ điều kiện xử lý = Cột (7) thuộc Biểu 03/XLD
- Cột (10): Số đơn kiến nghị, phản ánh đủ điều kiện xử lý = Cột (7) thuộc Biểu 04/XLD
- Cột (11), (12), (13): Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết, khi tiếp nhận đơn thì vụ việc đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết lần đầu (cột 11), nhiều lần (12) hoặc chưa giải quyết xong (13)
- Cột (12): Là số đơn cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã giải quyết từ 2 lần trở lên (giải quyết KN lần 2, giải quyết TC tiếp khi đã có kết luận nội dung TC lần đầu; giải quyết lần 2 trở lên đối với đơn KNPA)
- Cột (13): Số đơn chưa giải quyết xong, là số đơn công dân tiếp tục gửi đơn mới khi đơn gửi trước đó chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết hoặc đã thụ lý, giải quyết nhưng chưa hoàn thành việc giải quyết
- Cột (14) = (15) + (16) + (17) là tổng số đơn thuộc thẩm quyền giải quyết
- Cột (18) là tổng số đơn không thuộc thẩm quyền = Cột (19) + (20) + (21)
- Cột (22): Thống kê số vụ việc có văn bản đôn đốc hoặc chuyển đơn từ lần thứ 2 trở lên do chưa nhận được kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 23 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KHIẾU NẠI**Số liệu tính từ ngày 15/11/2023 đến ngày 06/6/2024***(Kèm theo Báo cáo số: 111 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của UBND xã Thủy Thanh)*

Kỳ báo cáo	Đơn vị	Tổng số đơn phải xử lý			Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc khiếu nại theo nội dung							Phân loại vụ việc khiếu nại theo tình trạng giải quyết			Kết quả xử lý đơn					Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn		
		Tổng số	Số đơn kỳ trước chuyển sang	Số đơn tiếp nhận trong kỳ	Tổng	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính				Lĩnh vực tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Đã được giải quyết			Chưa giải quyết xong	Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền			
										Tổng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Khác				Lần đầu	Lần 2	Đã có bản án của TAND		Tổng	Lần đầu	Lần 2	Tổng		Hướng dẫn	Đơn đốc giải quyết
MS	MS	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7	8	9 = 10+11+12	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=21+22	21	22	23=24+25	24	25	26
6 tháng/9 tháng/năm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

27. Ghi chú:**Hướng dẫn cách ghi biểu**

- Đây là biểu chi tiết về kết quả xử lý đơn khiếu nại nhận được qua tiếp công dân và nhận từ các nguồn khác (gửi qua dịch vụ chuyển phát, cơ quan khác chuyển, ...)
- Số liệu tại Biểu này nằm trong số liệu tổng hợp tại Biểu 01/XLD
- Cột (1) = (2) + (3)
- Cột (4) = (5) + (6): Là tổng số đơn khiếu nại đã hoàn thành quy trình xử lý (ra kết quả cuối cùng) theo quy định, nêu tại các cột từ (20)-(25)
- Cột (7) = Cột (8) ở Biểu số 01/XLD
- Cột (8): Số vụ việc đủ điều kiện xử lý = (9) + (13) + (14) + (15) = (16) + (17) + (18) + (19) = (20) + (23)
- Từ Cột (9) trở đi là số liệu tổng hợp đối với các vụ việc khiếu nại đủ điều kiện xử lý (thống kê tại Cột (8))
- Cột (10) Chế độ, chính sách như: việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động, người có công,...
- Cột (11) Đất đai, nhà cửa như: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cấp giấy chứng nhận QSDT, thu hồi, đòi đất, nhà,...
- Cột (13) Lĩnh vực tư pháp như: Điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án,...
- Cột (14) Lĩnh vực Đảng, đoàn thể như: liên quan đến vi phạm điều lệ, kỷ luật Đảng, đoàn thể...
- Cột (16): đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của cơ quan có thẩm quyền
- Cột (17): đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của cơ quan có thẩm quyền
- Cột (19): Số vụ việc khiếu nại công dân gửi đơn lần đầu hoặc đã gửi đơn nhưng chưa được giải quyết, đang giải quyết (chưa hoàn thành việc giải quyết)
- Cột (20) = (21) + (22)
- Cột (21): Số vụ việc khiếu nại lần đầu thuộc thẩm quyền giải quyết
- Cột (22): Số vụ việc khiếu nại lần hai thuộc thẩm quyền giải quyết
- Cột (23) = (24) + (25)
- Cột (26): Thống kê số vụ việc có văn bản đôn đốc hoặc chuyển đơn từ lần thứ 2 trở lên do chưa nhận được kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 27 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN TỐ CÁO
Số liệu tính từ ngày 15/11/2023 đến ngày 06/6/2024
(Kèm theo Báo cáo số: 111 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của UBND xã)

Kỳ báo cáo	Tổng số đơn phải xử lý			Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc tố cáo theo nội dung								Phân loại vụ việc tố cáo theo tình trạng giải quyết			Kết quả xử lý đơn					Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn		
	Tổng số	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Tổng	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính					Tham nhũng	Lĩnh vực Tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực Khác	Tố cáo tiếp			Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền			
									Tổng cộng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Công chức, công vụ	Khác					Quá thời hạn chưa giải quyết	Đã có kết luận giải quyết	Chưa giải quyết	Tổng số	Tố cáo lần đầu	Tố cáo tiếp	Tổng số		Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết
MS	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7	8=9+14+15+16+17=18+19+20=21+24	9=10+11+12+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21=22+23	22	23	24=25+26	25	26	27
6 tháng đầu năm 2024	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

28. Ghi chú:**Hướng dẫn cách ghi biểu**

- Đây là biểu chi tiết về kết quả xử lý đơn tố cáo, bao gồm đơn tố cáo nhận được qua tiếp công dân và nhận từ các nguồn khác
- Số liệu tại Biểu này nằm trong số liệu tổng hợp tại Biểu 01/XLD
- Cột (1) = Cột (2) + (3).
- Cột (4) = (5) + (6): Là tổng số đơn tố cáo đã hoàn thành quy trình xử lý (ra kết quả cuối cùng) theo quy định, nêu tại các cột từ (21)-(26)
- Cột (7) = Cột (9) ở Biểu 01/XLD
- Cột (8) = (9) + (14) + (15) + (16) + (17) = (18) + (19) + (20) = (21) + (24)
- Từ Cột (9) trở đi là số liệu tổng hợp đối với các vụ việc tố cáo đủ điều kiện xử lý (thống kê tại Cột (8))
- Cột (10) Chế độ, chính sách như: việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động, người có công,...
- Cột (11) Đất đai, nhà cửa như: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cấp giấy chứng nhận QSDT, thu hồi, đòi đất, nhà,...
- Cột (15) Lĩnh vực tư pháp như: Điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án,...
- Cột (16) Lĩnh vực Đảng, đoàn thể như: liên quan đến vi phạm điều lệ, kỷ luật Đảng, Đoàn thể,...
- Cột (20): Số vụ việc tố cáo công dân gửi đơn lần đầu hoặc đã gửi đơn nhưng chưa được giải quyết, đang giải quyết (chưa hoàn thành việc giải quyết)
- Cột (21) = Cột (22) + (23)
- Cột (24) = Cột (25) + (26)
- Cột (27): Thống kê số vụ việc có văn bản đôn đốc hoặc chuyển đơn từ lần thứ 2 trở lên do chưa nhận được kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 28 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ, GIẢI QUYẾT ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH

Số liệu tính từ ngày 15/11/2023 đến ngày 06/6/2024

(Kèm theo Báo cáo số: 111 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của UBND xã)

Kỳ báo cáo	Tổng số đơn phải xử lý			Đơn đã xem xét về điều kiện xử lý			Đơn đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung				Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết		Kết quả xử lý đơn			Kết quả giải quyết vụ việc thuộc thẩm quyền		
	Tổng số đơn	Số đơn kỳ trước chuyển sang	Số đơn tiếp nhận	Tổng số	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Chế độ, chính sách	Đất đai	Tur pháp	Khác	Đã được giải quyết	Chưa được giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền	Vụ việc không thuộc thẩm quyền			Số vụ việc đã giải quyết	Số vụ việc chưa giải quyết
																Tổng số	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết		
MS	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7	8=9+10+11+12= 13+14=15+16	9	10	11	12	13	14	15	16= 17+18	17	18	19	20
Quý....																				
6 tháng đầu năm 2024	06	01	05	06	01	05	05	05	00	06	00	00	01	05	05	01	01	00	00	05

21. Ghi chú:**Hướng dẫn cách ghi biểu**

- Đây là biểu chi tiết về kết quả xử lý đơn KN, PA nhận được qua tiếp công dân và nhận từ các nguồn khác (gửi qua dịch vụ chuyển phát, cơ quan khác chuyển,...)
- Số liệu tại Biểu này nằm trong số liệu tổng hợp tại Biểu 01/XLD
- Cột (1) = Cột (2) + (3)
- Cột (4) = Cột (5) + (6): Là tổng số đơn KN, PA đã được xem xét về điều kiện xử lý (đủ hay không đủ điều kiện xử lý)
- Cột (7) = Cột (10) ở Biểu 01/XLD
- Cột (8) = Cột (9) + (10) + (11) + (12) = Cột (13) + (14) = Cột (15) + (16)
- Từ Cột (9) trở đi là số liệu tổng hợp đối với các vụ việc KN, PA đủ điều kiện xử lý (thống kê tại Cột (8))
- Cột (13): Khi tiếp nhận đơn, vụ việc đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết và có kết luận, trả lời người KN, PA
- Cột (14): Khi tiếp nhận đơn, vụ việc chưa được giải quyết hoặc đã được thụ lý, giải quyết nhưng chưa hoàn thành việc giải quyết KN, PA
- Cột (15): Tổng số vụ việc KN, PA thuộc thẩm quyền giải quyết
- Cột (16): Tổng số vụ việc KN, PA không thuộc thẩm quyền giải quyết
- Cột (17): Tổng số vụ việc KN, PA không thuộc thẩm quyền có văn bản chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết
- Cột (18): Thống kê số vụ việc có văn bản đơn đốc hoặc chuyển đơn từ lần thứ 2 trở lên do chưa nhận được kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền
- Cột (19): Tổng số vụ việc KN, PA thuộc thẩm quyền (thống kê tại cột 15) đã được giải quyết và có kết luận, trả lời người KN, PA trong kỳ báo cáo
- Cột (20): Tổng số vụ việc KN, PA thuộc thẩm quyền (thống kê tại cột 15) đang được giải quyết hoặc chưa được giải quyết
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 21 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI THUỘC THẨM QUYỀN

Số liệu tính từ ngày 15/11/2023 đến ngày 06/6/2024

(Kèm theo Báo cáo số: 111 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của UBND xã)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m²)

Kỳ báo cáo	Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền			Tổng số vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền	Kết quả giải quyết												Phân tích kết quả giải quyết (vụ việc)									
	Tổng số	Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ		Đã giải quyết		Kiến nghị thu hồi cho Nhà nước		Trả lại cho tổ chức, cá nhân				Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Giải quyết lần đầu		Giải quyết lần 2		Chấp hành thời hạn giải quyết					
					Số vụ việc giải quyết bằng QĐ hành chính	Số vụ việc rút đơn thông qua giải thích, thuyết phục	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tổ chức		Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Tổng số người bị kiến nghị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Tổng số người	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Khiếu nại đúng	Khiếu nại sai	Khiếu nại đúng một phần	Công nhận QĐ g/q lần đầu	Hủy, sửa QĐ g/q lần đầu	Đúng quy định	Không đúng quy định		
									Tiền (Trđ)	Đất (m ²)															Tiền (Trđ)	Đất (m ²)
MS	1=2+3	2	3	4	5=20+21+22+23+24	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
6 tháng Đầu năm 2024	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

27. Ghi chú:**Hướng dẫn cách ghi biểu**

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1) = Cột (2) + (3) = Cột (15) thuộc Biểu 01/XLD
- Cột (4) = Cột (20) thuộc Biểu 02/XLD
- Cột (5) = Cột (20) + (21) + (22) + (23) + (24)
- Cột (6): Chỉ thống kê các vụ việc rút toàn bộ nội dung; trường hợp không rút toàn bộ thì không thống kê vào cột này
- Từ Cột (7) trở đi là số liệu tổng hợp, phân tích đối với kết quả giải quyết các vụ việc khiếu nại (thống kê tại Cột (5), (6))
- Cột (15): Thống kê số người bị kiến nghị xử lý hành chính do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại
- Cột (16): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức bị kiến nghị xử lý hành chính do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại (<= Cột 15)
- Cột (19): Thống kê số vụ việc bị kiến nghị chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại
- Cột (18): Thống kê số đối tượng bị kiến nghị chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại
- Cột (19): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức bị kiến nghị chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại (<= Cột 18)
- Cột (25): Thống kê số vụ việc chấp hành đúng quy định về thời hạn giải quyết khiếu nại
- Cột (26): Thống kê số vụ việc chấp hành không đúng quy định về thời gian giải quyết khiếu nại
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 27 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Số liệu tính từ ngày 15/11/2023 đến ngày 06/6/2024

(Kèm theo Báo cáo số: 111 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của UBND xã)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m²)

Kỳ báo cáo	Tổng số quyết định phải thực hiện trong kỳ	Số quyết định đã thực hiện xong	Thu hồi cho nhà nước				Trả lại cho tổ chức, cá nhân								Đã xử lý hành chính		Đã khởi tố		
			Phải thu		Đã thu		Phải trả				Đã trả				Tổng số người bị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số người	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức
			Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tổ chức		Cá nhân		Tổ chức		Cá nhân						
							Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)					
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
6 tháng đầu năm 2024	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

20. Ghi chú:**Hướng dẫn cách ghi biểu**

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1): Số quyết định giải quyết khiếu nại phải thực hiện trong kỳ, bao gồm số quyết định chưa thực hiện xong của kỳ báo cáo trước chuyển sang và số quyết định ban hành trong kỳ báo cáo phải thực hiện
- Cột (2) Số quyết định giải quyết khiếu nại đã thực hiện xong trong kỳ báo cáo
- Cột (15): Thống kê số người đã xử lý hành chính do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại
- Cột (16): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức đã xử lý hành chính do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại (<= Cột 15)
- Cột (18): Thống kê số người đã khởi tố do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại
- Cột (19): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức đã khởi tố do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại (<= Cột 18)
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 20 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO THUỘC THẨM QUYỀN
Số liệu tính từ ngày 15/11/2023 đến ngày 06/6/2024
 (Kèm theo Báo cáo số: 111 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của UBND xã)

Kỳ báo cáo	Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền				Trong đó số vụ việc tố cáo tiếp	Kết quả giải quyết														Phân tích kết quả giải quyết (vụ việc)						Chấp hành thời hạn giải quyết							
	Tổng số	Kỳ trước chuyên sang	Tiếp nhận trong kỳ	Tổng số vụ việc tố cáo thuộc thẩm quyền		Đã giải quyết						Kiến nghị thu hồi cho Nhà nước		Trả lại cho tổ chức, cá nhân				Số tố chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra				Tố cáo đúng	Trong đó tố cáo tiếp đúng	Tố cáo sai	Trong đó tố cáo tiếp sai	Tố cáo có đúng, có sai	Trong đó tố cáo tiếp có đúng, có sai	Đúng quy định	Không đúng quy định
						Số vụ việc lần đầu	Số vụ việc tố cáo tiếp	Số vụ việc rút toàn bộ nội dung tố cáo	Số vụ việc đình chỉ không do rút tố cáo	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tổ chức		Cá nhân		Số người bị kiến nghị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức			Số vụ	Số đối tượng	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức											
												Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)																		
M5	1=2+3	2	3	4	5	6=7+8+9+10=30+31>=24+26+28	7	8=25+27+29	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31		
6 tháng đầu năm 2024	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		

32. Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1) = Cột (2) + (3) = Cột (16) thuộc Biểu 01/XLD
- Cột (4) = Cột (21) thuộc Biểu 03/XLD
- Cột (5): Số vụ việc tố cáo tiếp thuộc thẩm quyền, số liệu nằm trong số liệu vụ việc tố cáo thuộc thẩm quyền thống kê tại Cột (4)
- Cột (6)= (7) + (8) + (9) + (10)= (30) + (31) >= Cột (24) + (26) + (28)
- Cột (8): Tổng số vụ việc tố cáo tiếp đã được giải quyết = Cột (25) + (27) + (29)
- Từ Cột (11) trở đi là số liệu tổng hợp, phân tích đối với kết quả giải quyết các vụ việc tố cáo đã thống kê ở Cột (6)
- Cột (19): Thống kê số người bị kiến nghị xử lý hành chính theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo
- Cột (20): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức bị kiến nghị xử lý hành chính theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo (<= Cột 19)
- Cột (22): Thống kê số đối tượng bị kiến nghị chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo
- Cột (23): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức bị kiến nghị chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo (<= Cột 22)
- Cột (25): Tổng số vụ việc tố cáo tiếp được kết luận là tố cáo tiếp đúng, số liệu nằm trong số liệu tổng hợp tại Cột (24)

- Cột (27): Tổng số vụ việc tố cáo tiếp được kết luận là tố cáo tiếp sai, số liệu nằm trong số liệu tổng hợp tại Cột (26)
- Cột (29): Tổng số vụ việc tố cáo tiếp được kết luận là tố cáo tiếp có đúng, có sai, số liệu nằm trong số liệu tổng hợp tại Cột (28)
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 32 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN NỘI DUNG TỐ CÁO

Số liệu tính từ ngày 15/11/2023 đến ngày 06/6/2024

(Kèm theo Báo cáo số: 111 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của UBND xã)

Kỳ báo cáo	Tổng số kết luận phải thực hiện	Số kết luận đã thực hiện xong	Thu hồi cho Nhà nước				Trả lại cho tổ chức, cá nhân								Đã xử lý hành chính			Đã khởi tố						
			Phải thu		Đã thu		Phải trả				Đã trả				Tổng số tổ chức bị xử lý	Tổng số cá nhân bị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số đối tượng	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức				
			Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Số tổ chức phải được trả lại quyền lợi	Số cá nhân phải được trả lại quyền lợi	Tổ chức		Cá nhân		Số tổ chức đã được trả lại quyền lợi	Số cá nhân đã được trả lại quyền lợi							Tổ chức		Cá nhân	
						Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)							
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
6 tháng đầu năm 2024	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

25. Ghi chú:**Hướng dẫn cách ghi biểu**

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1): Số kết luận nội dung tố cáo, xử lý tố cáo phải thực hiện trong kỳ (bao gồm số kết luận, xử lý tố cáo chưa thực hiện xong của kỳ báo cáo trước chuyển sang và số kết luận xử lý tố cáo ban hành trong kỳ báo cáo phải thực hiện)
- Cột (2) Số kết luận nội dung tố cáo, xử lý tố cáo đã thực hiện xong trong kỳ báo cáo
- Cột (19): Thống kê số tổ chức đã xử lý hành chính theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo
- Cột (21): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức đã xử lý hành chính theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo (<= Cột 20)
- Cột (23): Thống kê số đối tượng đã chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo
- Cột (24): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức đã chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo (<= Cột 23)
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 25 (nếu có)

TỔNG HỢP CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TIẾP CÔNG DÂN, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Số liệu tính từ ngày 15/11/2023 đến ngày 06/6/2024

(Kèm theo Báo cáo số: 111 ngày 06 tháng 6 năm 2024 của UBND xã)

Đơn vị	Ban hành văn bản quản lý, chỉ đạo (Bộ, ngành, tỉnh, TP) về công tác TCD, KN, TC			Tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về TCD, KN, TC		Thanh tra trách nhiệm						Kết quả thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra trách nhiệm							
	Số văn bản ban hành mới	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung	Số văn bản hủy bỏ	Số lớp	Số người	Thực hiện pháp luật về TCD, KN, TC		Số cuộc đã ban hành kết luận	Kiến nghị xử lý				Tổng số KLTT thực hiện	Đã xử lý hành chính		Đã khởi tố			
						Số cuộc	Số đơn vị		Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra			Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân
									Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân							
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17		
6 tháng đầu năm 2024	0	0	0	04	300	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		

18. Ghi chú:**Hướng dẫn cách ghi biểu**

- Biểu này phục vụ xây dựng Báo cáo chuyên đề về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo (VD: Báo cáo hằng năm phục vụ Quốc hội về công tác giải quyết KNTC...)

- Cột (6): Tổng số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về TCD, KN, TC thực hiện trong kỳ báo cáo, gồm các cuộc triển khai từ kỳ trước chưa ban hành kết luận và các cuộc triển khai trong kỳ

- Cột (7): Tổng số đơn vị được thanh tra trách nhiệm (theo quyết định của các cuộc thanh tra thống kê tại Cột (6))

- Cột (8): Tổng số kết luận thanh tra ban hành trong kỳ báo cáo; Cột (8) <= Cột (6)

- Từ Cột (9) đến Cột (13) là số liệu tổng hợp từ các kết luận thanh tra thống kê tại Cột (12)

- Cột (13): Tổng số kết luận thanh tra trách nhiệm phải thực hiện trong kỳ, gồm kết luận ban hành từ các kỳ trước chưa thực hiện xong và kết luận ban hành trong kỳ báo cáo phải thực

- Từ Cột (14) đến Cột (17) là số liệu tổng hợp từ kết quả thực hiện các kết luận thanh tra thống kê tại Cột (13)

- Nội dung ghi chú viết vào dòng 18 (nếu có)